TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-10-2018.
Về việc yêu cầu không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà PH Thị Khánh Vân.

2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 276/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về việc "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. "Có mặt"

Bị đơn: Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. "Có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê H trình bày:

Về hôn nhân: Sau khi quen biết và tìm hiểu nhau thì ông Lê H và bà Võ Thị Đ về chung sống với nhau như vợ chồng tại xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu từ năm 1988, việc sống chung là tự nguyện, không bị ai ép buộc, nhưng không tổ chức đám cưới và do hoàn cảnh khó khăn, không am hiểu pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Vợ, chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông H thường xuyên uống rượu và bà Đ

ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do đó quan hệ vợ chồng không còn hạnh phúc, ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Ông H và bà Đ đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay và trong thời gian sống ly thân hai bên không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Ông H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, không có cách nào để níu kéo vợ chồng quay về sống chung với nhau. Tại đơn khởi kiện ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Đ, nhưng do ông H và bà Đ không đăng ký kết hôn nên nay ông H yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông H và bà Đ là vợ chồng.

Về con chung: Ông H và bà Đ có 03 người con chung tên là Lê S, sinh năm 1988; Lê Thị N, sinh năm 1991 và Lê Thị N1, sinh năm 1994. Các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2018, biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đ và ông H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, được hai bên gia đình đồng ý, nhưng không làm đám cưới và không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H thường xuyên uống rượu say và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà Đ đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông H không nghe mà còn kiếm chuyện gây gỗ với bà Đ, nên quan hệ vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay bà Đ và ông H đã sống ly thân từ năm 2017 và trong thời gian sống ly thân thì vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Bà Đ xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H đã đến mức trầm trọng, không thể trở về sống chung với nhau, nên bà Đ đồng ý yêu cầu của ông H về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông H và bà Đ là vợ chồng.

Về con chung: Bà Đ và ông H có 03 người con chung tên là Lê S, sinh năm 1988; Lê Thị N, sinh năm 1991 và Lê Thị N1, sinh năm 1994. Các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Do Lê H và bà Võ Thị Đ sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1988, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông Lê H và bà Võ Thị Đ là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án đủ cơ sở nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Ông Lê H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà Võ Thị Đ là vợ chồng theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Đ có nơi cư trú tại Tổ A, ấp B, xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Ông Lê H và bà Võ Thị Đ cùng thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì việc chung sống như vợ chồng của ông Lê H và bà Võ Thị Đ không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Ông Lê H yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông và bà Võ Thị Đ là vợ chồng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Ông Lê H và bà Võ Thị Đ có 03 người con chung tên là Lê S, sinh năm 1988; Lê Thị N, sinh năm 1991 và Lê Thị N1, sinh năm 1994. Các con chung đã trưởng thành, thể chất và tinh thần đều phát triển tốt, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản và nợ chung:* Ông Lê H và bà Võ Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì ông Lê H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Lê H và bà Võ Thị Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Lê H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001650 ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Lê H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Duy